

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG NGUYỄN GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG NGUYỄN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN GIA RESTAURANT SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108186818

**3. Ngày thành lập:** 15/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, số 50 ngõ 32 tổ 17 đường Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7920     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                                                                                    | 5229     |
| 3.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5510     |
| 4.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                    | 4711     |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                  | 4741     |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4742     |
| 7.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                        | 4771     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4651     |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4722     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh</p> | 4773 |
| 12. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7490 |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4931 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932 |
| 15. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Dịch vụ cầm đồ</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6619 |
| 16. | <p>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Dịch vụ môi giới bất động sản</p> <p>Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản</p> <p>Dịch vụ tư vấn bất động sản</p> <p>Dịch vụ quản lý bất động sản</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6820 |
| 17. | <p>Cho thuê xe có động cơ</p> <p>Chi tiết: Cho thuê ô tô</p> <p>Cho thuê xe có động cơ khác</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7710 |
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7911 |
| 19. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7912 |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4721 |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4723 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772        |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                      | 4511        |
| 24. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                        | 4513        |
| 25. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                  | 4632        |
| 26. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                    | 4633        |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                | 4641        |
| 28. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                  | 4652        |
| 29. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                  | 4719        |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                    | 5610(Chính) |
| 31. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                       | 5621        |
| 32. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                | 5629        |
| 33. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                             | 5630        |
| 34. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                        | 4512        |
| 35. | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                        | 4541        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.790.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN DƯƠNG NGỌC GIANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/03/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036099011056

Ngày cấp: 01/03/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 51 ngõ 262 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 51 ngõ 262 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN DUƠNG NGỌC GIANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/03/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036099011056

Ngày cấp: 01/03/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 51 ngõ 262 đường Bưởi, , Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 51 ngõ 262 đường Bưởi, , Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội